

か  
10課

ひょうご  
兵庫を たのしむ

Thường thức Hyogo



写真:兵庫県公式観光サイト HYO GO!ナビ <https://www.hyogo-tourism.jp/>

もくひょう

目標

Mục tiêu

1. おでかけの かんそうを いいます  
Phát biểu cảm nghĩ về chuyến đi chơi của bạn
2. したいことについて はなします  
Nói về những điều bạn muốn làm
3. ちかくの<sup>みせ</sup>店や <sup>しせつ</sup>施設を <sup>りょう</sup>利用します  
Đi đến các cửa hàng và cơ sở gần nhà

# 0.

## べんきょうの まえに Trước khi vào bài học

ひょうごけん  
兵庫県の ゆうめいなものは なんですか。

Tỉnh Hyogo nổi tiếng về sản phẩm gì?

まち  
あなたの町の ゆうめいなものは なんですか。

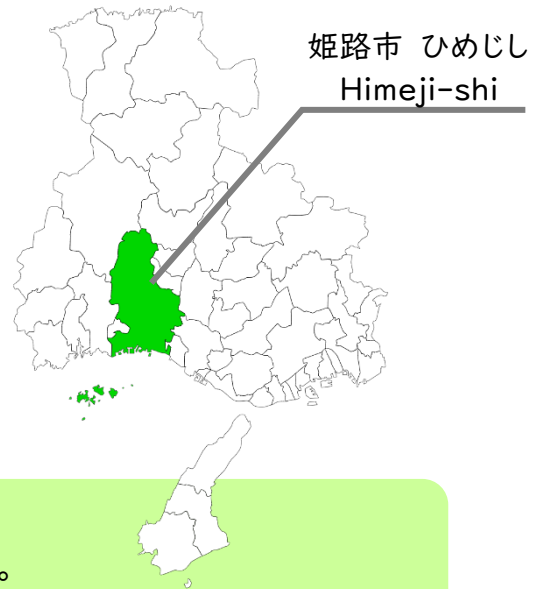
Thị trấn của bạn nổi tiếng về sản phẩm gì?



# 1.

おでかけの かんそうを いいます  
Phát biểu cảm nghĩ về chuyến đi chơi của bạn

いったことが あるばしょを いいます  
Nói về nơi bạn đã từng đi



A : ひょうごけんで どこへ きましたか。

B : ひめじ へ きました。

A : いいですね。いつ きましたか。

B : 4月(しがつ) に きました。

A : Hyogoken de doko e ikimashitaka.

B : Himeji e ikimashita.

A : iidesune. Itsu ikimashitaka.

B : Shigatsu ni ikimashita.

ひょうごけんで どこへ きましたか  
/ Bạn đã đi những đâu ở tỉnh Hyogo?

どうやって いったか はなします  
 Kể chuyện bạn đã đi bằng cách nào

A : なにで ひめじ へ 行きましたか。

B : くるま で 行きました。

A : だれと 行きましたか。

B : かぞく と 行きました。

A : いいですね。

A : Nani de Himeji e ikimashitaka.

B : Kuruma de ikimashita.

A : Dare to ikimashitaka.

B : Kazoku to ikimashita.

A : Iidesune.

～で 行きました / Tôi đã tới đó bằng ～

～と 行きました / Tôi đã đi cùng với ～



かぞく  
kazoku



ともだち  
tomodachi



ひとりで 行きました  
Hitori de ikimashita

ひょうごけんや かんさいで どこかへ 行きましたか。

Bạn đã đi những đâu ở tỉnh Hyogo hay Kansai?

姫路城 ひめじじょう

おでかけのかんそうを いいます  
Phát biểu cảm nghĩ về chuyến đi chơi của bạn



A : ひめじ で なにを しましたか。  
B : ひめじじょうへ きました。さくらを みました。  
A : どうでしたか。  
B : とても きれいでした。  
A : いいですね。

A : Himeji de nani o shimashitaka.  
B : Himeji joo e ikimashita. Sakura o mimashita.  
A : Doodeshitaka.  
B : Totemo kireedeshita.  
A : Iidesune.

なにを しましたか / Bạn đã làm gì?

とても きれいでした / Nó đã rất đẹp



~を みました  
~o mimashita  
Tôi đã thấy ~



~を たべました  
~o tabemashita  
Tôi đã ăn ~



~を のみました  
~o nomimashita  
Tôi đã uống ~

あなたのまちで どこかへ きましたか。どうでしたか?

Bạn đã đi những đâu trong thị trấn của bạn? Bạn thấy thế nào?

# 2. したいことについて はなします Nói về những điều bạn muốn làm

ひょうごけんで いきたいところを いいます  
Cho biết bạn còn muốn đi đâu ở tỉnh Hyogo

写真ライブラリー  
兵庫県公式観光サイト  
HYO GO!ナビ



<https://www.hyogo-tourism.jp/>

大石神社 赤穂市  
(おいしいじんじゃ あこうし)



湯村温泉 新温泉町  
(ゆむらおんせん しんおんせんちょう)



A : いくのぎんざん へ いきたいです。  
\_\_\_\_\_ さんは いったことが ありますか。

B : はい、ありますよ。

A : いいですね。どうでしたか。

B : もみじが とても きれいでした。

鳴門大橋 南あわじ市  
(なるとおおはし みなみあわじし)



A : Ikunoginzan e ikitaidesu.  
\_\_\_\_\_ san wa ittakoto ga arimasuka.

B : Hai, arimasuyo.

A : Iidesune. Doodeshitaka.

B : Momiji ga totemo kiree deshita.

生野銀山 朝来市  
(いくのぎんざん あさごし)



～へ いきたいです / Tôi muốn đi đến ~  
いったことがありますか / Bạn đã từng đến đó chưa?  
もみじが きれいでした / Lá đỏ thật đẹp






もみじ  
Momiji

## したいことを いいます Nói những điều bạn muốn làm

あなたのまちで してみたいことが ありますか。

Có điều gì bạn muốn thử làm trong thị trấn của bạn không?

<p>おいしいスイーツを かいたいです Oishii suiitsu o kaitaidesu Tôi muốn mua bánh ngọt thật ngon</p> 	<p>うみやかわで あそびたいです Umi ya kawa de asobitaidesu Tôi muốn chơi ở biển hoặc sông</p> 
<p>かていりょうりを たべたいです Katee ryoori o tabetaidesu Tôi muốn ăn món ăn gia đình</p> 	<p>ゆっくり さんぽしたいです Yukkuri sanpo shitaidesu Tôi muốn thong thả đi dạo</p> 
<p>きせつのイベントへ いきたいです Kisetsu no ibento e ikitaidesu Tôi muốn tham dự các sự kiện theo mùa</p> 	<p>_____ たいです _____ taidesu</p>

したいことを 行って おすすめのばしょを ききます

Nói điều bạn muốn làm và hỏi thăm những địa điểm được đề xuất

A : ゆっくり さんぽしたいです。 いいところか ありますか。

B : さくらこうえんが いいですよ。 とても ひろいです。

A : そうですか。いってみます。ありがとうございます。

A : Yukkuri sanpo shitaidesu. Iitokoro ga arimasuka.

B : Sakura kooen ga iidesuyo. Totemo hiroidesu.

A : Soodesuka. Ittemimasu. Arigatoogozaimasu.

いいところが ありますか / Bạn có biết nơi nào tốt không?

ひろいです / Nó rộng lớn

いってみます / Tôi sẽ đi thử



こうえん  
kooen



かわ  
kawa



しょうてんがい  
shootengai

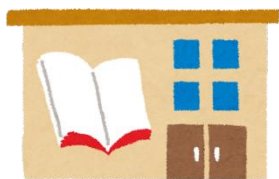
まちのホームページや やくしよで <sup>かんこう</sup> 観光パンフレットを さがしてみましよう。

Hãy tìm trong các tờ rơi du lịch ở trụ sở hành chính hay trên trang web của thị trấn.

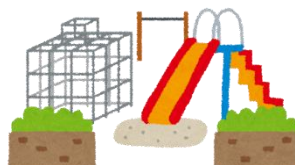


# 3. <sup>みせ</sup>ちかくの店や <sup>しせつ</sup>施設を <sup>りよう</sup>利用します Đi đến các cửa hàng và cơ sở gần nhà

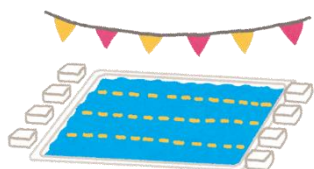
## みせや しせつ Cửa hàng và các cơ sở



としょかん  
toshokan



こうえん  
kooen



プール  
puuru



ショッピングモール  
Shoppingu mooru



びじゅつかん  
bijutsukan



こうみんかん  
koominkan



どうぶつえん  
Doobutsuen

あなたのまちで <sup>い</sup>よく行く場所や、<sup>ばしょ</sup>すきな場所は <sup>どこ</sup>どこですか。

Những địa điểm bạn hay đến hoặc nơi yêu thích của bạn trong thị trấn của bạn là ở đâu?

しせつで りようとうろくを します  
 Đăng ký sử dụng tại cơ sở



スタッフ  
sutaffu

A : すみません、はじめて きました。  
 りようとうろくを したいです。

スタッフ : こちらに ごきにゆうください。  
 じゅうしょが かくにんできるものが ありますか。

A : はい、あります。



A : Sumimasen, hajimete kimashita.  
 Riyoo tooroku o shitaidesu.

Sutaffu : Kochira ni gokinyuu kudasai.  
 Juusho ga kakunin dekiru mono ga arimasuka.

A : Hai, arimasu.

はじめて きました / Đây là lần đầu tiên tôi đến  
 りようとうろくを したいです / Tôi muốn đăng ký sử dụng  
 こちらに ごきにゆうください / Vui lòng điền vào đây  
 じゅうしょが かくにんできるものが ありますか  
 / Bạn có giấy tờ gì có thể xác nhận địa chỉ của bạn không?

いってみたい施設が ありますか。利用登録は ひつようですか。  
 Có cơ sở nào bạn muốn thử ghé thăm không? Có cần đăng ký sử dụng không?

ひょうごけん  
 兵庫県のしせつ Các cơ sở của tỉnh Hyogo (にほんごのページ)  
<https://web.pref.hyogo.lg.jp/shisetsu/index.html>



兵庫県ホームページ

しせつの あんないを よみます  
Đọc thông tin cơ sở



なんじから なんじまでですか。  
Nanji kara nanji made desuka.

やすみは なんようびですか。  
Yasumi wa nanyoobi desuka.



おとな 一人は いくらですか。

Otona hitori wa ikuradesuka.

料金	個人	団体
大人	500 円	400 円
70 歳以上	250 円	200 円
大学生	400 円	300 円

※高校生以下は無料。  
※団体は 20 名以上。

かいかんじかん  
開館時間

Giờ mở cửa

きゅうかんび  
休館日

Ngày nghỉ

りょうきん  
料金

Phí vào cửa

おとな  
大人

người lớn

しせつ  
いってみたい施設の じかんや りょうきんを しらべてみましょう。  
Kiểm tra thời gian và giá cả của các cơ sở bạn muốn ghé thăm.

にほんごの かたち  
Cấu trúc tiếng Nhật

けいようし かこ Keeyooshi Kako Tính từ Thì quá khứ

い けいようし  
tính từ đuôi - I

おいしい りょうり  
oishii ryoori  
thức ăn ngon

おもしろい ばしょ  
omoshiroi basho  
địa điểm thú vị



どうでしたか。  
Doodeshitaka.  
Bạn thấy thế nào?

りょうりが とても おいしかったです。  
Ryoori ga totemo oishikattadesu.  
Thức ăn rất ngon.

い けいようし tính từ đuôi - I	かこ Thì quá khứ
おいしいです oishiidesu Nó ngon	おいしかったです oishikattadesu
おもしろいです omoshiroidesu Thật thú vị	おもしろかったです omoshirokattadesu
たかいです takaidesu đắt	たかかったです takakattadesu
たのしいです tanoshiidesu Thật vui vẻ	たのしかったです tanoshikattadesu
いいです iidesu Thật tốt / hay	⚠️ よかったです yokattadesu

な けいようし  
tính từ đuôi -Na

しんせつな ひと  
shinsetsuna hito  
người tử tế, tốt bụng

にぎやかな まつり  
nigiyakana matsuri  
lễ hội nhộn nhịp



どうでしたか。  
Doodeshitaka.  
Bạn thấy thế nào?



みせのひとが とても しんせつでした。  
Mise no hito ga totemo shinsetsudeshita.  
Nhân viên cửa hàng rất tốt bụng.

な けいようし tính từ đuôi -Na	かこ Thì quá khứ
しんせつです shinsetsudesu Thật tử tế	しんせつでした shinsetsudeshita
にぎやかです nigiyakadesu Thật nhộn nhịp	にぎやかでした nigiyakadeshita
しずかです shizukadesu Thật yên tĩnh	しずかでした shizukadeshita
きれいです kireedesu Thật đẹp	きれいでした kireedeshita
たいへんです taihendesu Thật vất vả	たいへんでした taihendeshita
ていねいです teenedesu Thật lịch sự, cẩn thận	ていねいでした teenedeshita

日本語の形容詞には「な形容詞」と「い形容詞」の2つのグループがあります。  
Có hai nhóm tính từ tiếng Nhật: tính từ đuôi -na và đuôi -i.

しゅくじつ  
ngày lễ

1月 いちがつ

1日 (ついたち)  
がんどじつ  
Ngày đầu năm

だいい げつようび  
せいじんのひ  
Lễ trưởng thành

5月 ごがつ

3日 (みっか)  
けんぼうきねんび  
Ngày hiến pháp

4日 (よっか)  
みどりのひ  
Ngày cây xanh

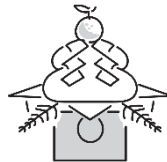
5日 (いつか)  
こどものひ  
Ngày trẻ em

9月 くがつ

だいい げつようび  
けいろうのひ  
Ngày kính lão

23日ごろ  
しゅうぶんのひ  
Ngày thu phân

おしょうがつ  
Tết năm mới



2月 にがつ

11日  
けんこくきねんのひ  
Ngày kỉ niệm lập quốc

23日  
てんのうたんじょうび  
Sinh nhật Thiên hoàng

ゴールデンウィーク  
Tuần lễ vàng



7月 しちがつ

だいい げつようび  
うみのひ  
Ngày của biển

10月 じゅうがつ

だいい げつようび  
たいいくのひ  
Ngày hội thể thao

3月 さんがつ

20日 (はつか) ごろ  
しゅんぶんのひ  
Ngày xuân phân

4月 しがつ

29日  
しょうわのひ  
Ngày Showa

おぼん  
Nghỉ Obon



8月 はちがつ

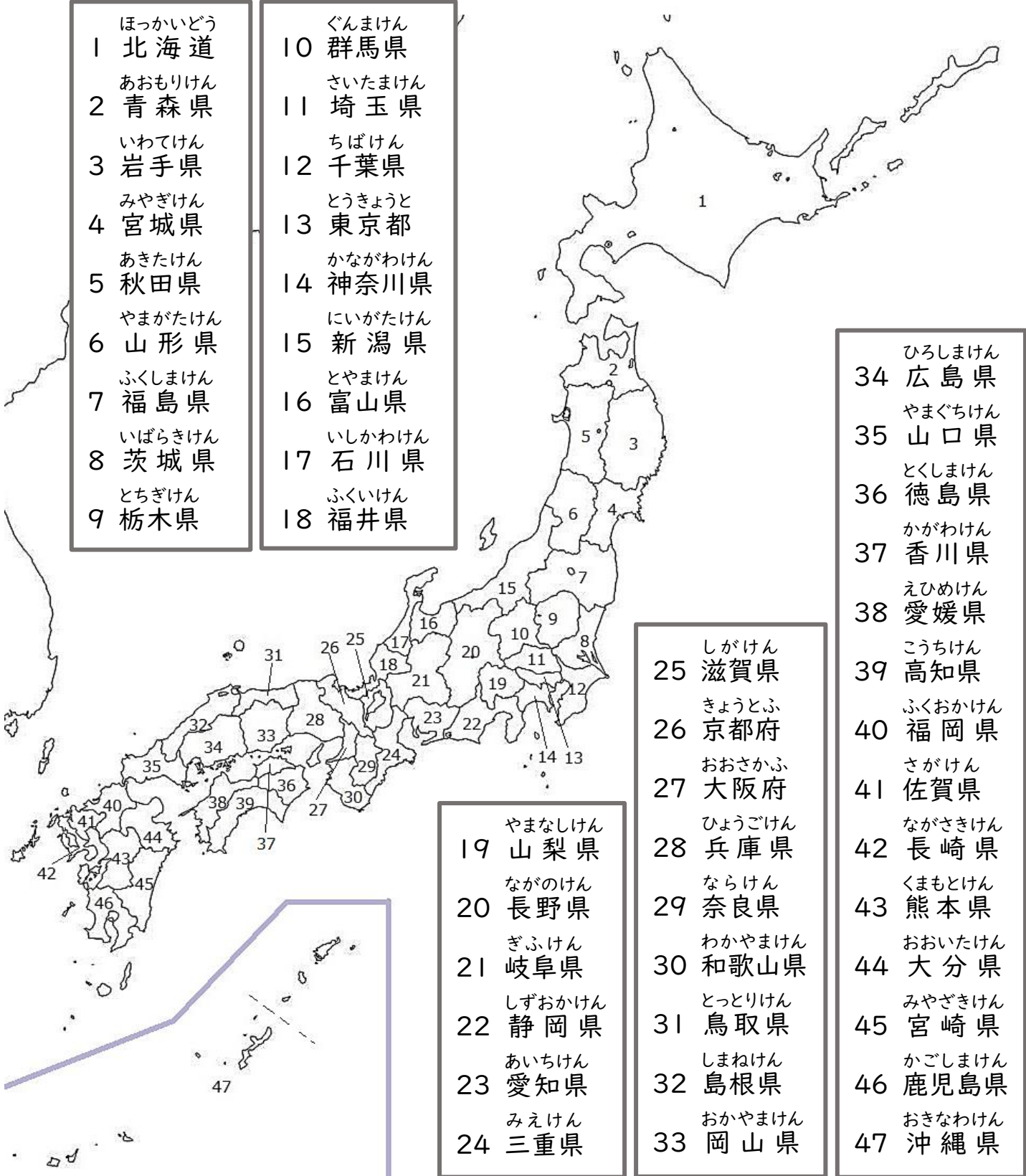
11日  
やまのひ  
Ngày của núi

11月 じゅういちがつ

3日 (みっか)  
ぶんかのひ  
Ngày văn hóa

23日  
きんろうかんしゃのひ  
Ngày cảm tạ lao động

にほん  
Nhật Bản



- 1 ほっかいどう 北海道
- 2 あおもりけん 青森県
- 3 いわてけん 岩手県
- 4 みやぎけん 宮城県
- 5 あきたけん 秋田県
- 6 やまがたけん 山形県
- 7 ふくしまけん 福島県
- 8 いばらきけん 茨城県
- 9 とちぎけん 栃木県

- 10 ぐんまけん 群馬県
- 11 さいたまけん 埼玉県
- 12 ちばけん 千葉県
- 13 とうきょうと 東京都
- 14 かながわけん 神奈川県
- 15 にいがたけん 新潟県
- 16 とやまけん 富山県
- 17 いしかわけん 石川県
- 18 ふくいけん 福井県

- 19 やまなしけん 山梨県
- 20 ながのけん 長野県
- 21 ぎふけん 岐阜県
- 22 しずおかけん 静岡県
- 23 あいちけん 愛知県
- 24 みえけん 三重県

- 25 しがけん 滋賀県
- 26 きょうとふ 京都府
- 27 おおさかふ 大阪府
- 28 ひょうごけん 兵庫県
- 29 ならけん 奈良県
- 30 わかやまけん 和歌山県
- 31 とっとりけん 鳥取県
- 32 しまねけん 島根県
- 33 おかやまけん 岡山県

- 34 ひろしまけん 広島県
- 35 やまぐちけん 山口県
- 36 とくしまけん 徳島県
- 37 かがわけん 香川県
- 38 えひめけん 愛媛県
- 39 こうちけん 高知県
- 40 ふくおかけん 福岡県
- 41 さがけん 佐賀県
- 42 ながさきけん 長崎県
- 43 くまもとけん 熊本県
- 44 おおいたけん 大分県
- 45 みやざきけん 宮崎県
- 46 かごしまけん 鹿児島県
- 47 おきなわけん 沖縄県

兵庫県(ひょうごけん)  
tỉnh Hyogo

- 1 しんおんせんちょう 新温泉町
- 2 かみちょう 香美町
- 3 とよおかし 豊岡市
- 4 やぶし 養父市
- 5 あさごし 朝来市
- 6 たんばし 丹波市
- 7 たんばささやまし 丹波篠山市
- 8 さんだし 三田市
- 9 いながわちょう 猪名川町
- 10 たからづかし 宝塚市
- 11 かわにしし 川西市
- 12 いたみし 伊丹市
- 13 あまがさきし 尼崎市
- 14 にしのみやし 西宮市
- 15 あしやし 芦屋市
- 16 こうべし 神戸市
- 17 あかしし 明石市
- 18 いなみちょう 稲美町
- 19 はりまちょう 播磨町

- 20 かこがわし 加古川市
- 21 たかさごし 高砂市
- 22 たかちょう 多可町

- 23 にしわきし 西脇市
- 24 かとうし 加東市
- 25 かさいし 加西市
- 26 おのし 小野市
- 27 みきし 三木市

- 28 かみかわちょう 神河町
- 29 いちかわちょう 市川町
- 30 ふくさきちょう 福崎町
- 31 ひめじし 姫路市
- 32 しそうし 宍粟市
- 33 さようちょう 佐用町
- 34 たつのし たつの市
- 35 たいしちょう 太子町
- 36 あいおいし 相生市
- 37 かみごおりちょう 上郡町
- 38 あこうし 赤穂市
- 39 あわじし 淡路市
- 40 すもとし 洲本市
- 41 みなみ あわじし 南あわじ市

